

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới;
thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng, đường bộ,
hàng hải và đường thủy, đường sắt, nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết
của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 461/QĐ-BXD ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố sửa đổi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 997/QĐ-BXD ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1030/QĐ-BXD ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1065/QĐ-BXD ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng,

đường bộ, hàng hải và đường thủy, đường sắt, nhà ở thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; cụ thể như sau:

1. Ban hành mới: 23 thủ tục hành chính.
2. Sửa đổi bổ sung: 01 thủ tục hành chính.
3. Bãi bỏ: 02 thủ tục hành chính.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- VNPT tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu: VT, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Signature)

Nguyễn Hồng Hải

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG, ĐƯỜNG BỘ, HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY, ĐƯỜNG SẮT, NHÀ Ở
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG
(Kèm theo Quyết định số: 578 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)

A. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới (23 thủ tục hành chính)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực hàng hải và đường thủy (17 thủ tục hành chính)				
1	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa Mã TTHC: 1.009456	10 ngày làm việc <i>(đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài)</i> 05 ngày làm việc <i>(đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài)</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	100.000đ/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
2	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa Mã TTHC: 1.009464	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ.
3	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng Mã TTHC: 1.009461	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ.
4	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng Mã TTHC: 1.009460	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ.
5	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài Mã TTHC: 1.009458	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	100.000đ	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
6	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa Mã TTHC: 1.009462	15 ngày làm việc (trường hợp Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài) 05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<i>(trường hợp Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài)</i>			
7	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương Mã TTHC: 1.009459	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ.
8	Công bố đóng khu neo đậu Mã TTHC: 1.009450	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ.
9	Thiết lập khu neo đậu Mã TTHC: 1.009448	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ.
10	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa Mã TTHC: 1.009451	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ.
11	Công bố hoạt động khu neo đậu Mã TTHC: 1.009449	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ.
12	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường	10 ngày làm việc <i>(trường hợp Cảng thủy nội địa tiếp</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa Mã TTHC: 1.009446	<i>nhận phương tiện thủy nước ngoài)</i> 05 ngày làm việc <i>(trường hợp Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài)</i>			
13	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa Mã TTHC: 1.009445	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ.
14	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa Mã TTHC: 1.009442	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ.
15	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa Mã TTHC: 1.004242	10 ngày làm việc <i>(trường hợp Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài)</i> 05 ngày làm việc <i>(trường hợp Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài)</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	100.000đ	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ. - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP của Chính phủ. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
16	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô Mã TTHC: 1.005021	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008. - Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06/06/2024 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô.
17	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô Mã TTHC: 1.005024	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008. - Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải.
II Lĩnh vực đường sắt (03 thủ tục hành chính)					
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt Mã TTHC: 1.010000	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	120.000 đồng/01 Giấy chứng nhận	- Luật Đường sắt năm 2017. - Thông tư số 14/2023/TT-BGTVT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt, di chuyển phương tiện giao thông

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					đường sắt trong trường hợp đặc biệt. - Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt Mã TTHC: 1.004844	03 ngày làm việc <i>(đối với cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký trường hợp chuyển quyền sở hữu, phương</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	120.000 đồng/01 Giấy chứng nhận	- Luật Đường sắt năm 2017. - Thông tư số 14/2023/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. - Thông tư số 09/2025/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<i>tiện thay đổi tính năng sử dụng hoặc thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu, Giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng)</i> 30 ngày <i>(trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất)</i>			dụng. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3	Xóa, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt Mã TTHC: 1.005075	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Đường sắt năm 2017. - Thông tư số 14/2023/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. - Thông tư số 09/2025/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
III	Lĩnh vực nhà ở				
1	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng	22 ngày <i>(trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội do</i>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thi điểm về một số cơ chế,

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương Mã TTHC: 3.000506	<i>nhà đầu tư đề xuất đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật trước ngày 01/7/2025) 52 ngày (trường hợp dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương trước ngày 01/7/2025)</i>			chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội. - Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29/5/2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương Mã TTHC: 3.000507	37 ngày (trường hợp nhà đầu tư có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất đối với một phần hoặc toàn bộ diện tích đất của dự án hoặc nhà đầu tư đề xuất dự án chưa được cơ quan nhà nước công bố thông tin về dự án). 52 ngày (trường hợp dự án do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, công bố thông tin dự án để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị quyết số 201/2025/QH15 của Quốc hội. - Nghị định số 192/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội Mã TTHC: 3.000508	37 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Nghị quyết số 201/2025/QH15 của Quốc hội. - Nghị định số 192/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

B. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung (01 thủ tục hành chính)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Đường bộ (01 thủ tục hành chính)				
1	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ Mã TTHC: 1.000028	01 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Thông tư số 12/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ

					giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ
--	--	--	--	--	--

C. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ (02 thủ tục hành chính)

STT	Tên thủ tục hành chính bị bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ
1	Cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng Mã TTHC: 1.013220	Điểm g khoản 1 Điều 56 Luật Đường sắt năm 2025
2	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng Mã TTHC: 1.013221	Điểm g khoản 1 Điều 56 Luật Đường sắt năm 2025